

Bản án số: 461/2024/DS-PT
Ngày: 30- 8 - 2024
Về việc Yêu cầu thực hiện nghĩa
vụ người chết để lại và đòi lại giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Tôn Văn Thông

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Phiên– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2024/DS-PT ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ người chết để lại và đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3038/2024/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị G** năm 1970.

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G

1. Ông **Nguyễn Văn T** năm 1997; Địa chỉ: số A đường số C, khu dân cư S, khu phố M, thành phố B, tỉnh Bến Tre; (ông **T1** đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh 1990. Địa chỉ: số A đường số C, khu dân cư S, khu phố M, thành phố B, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

- *Bị đơn*: Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn C

1. Bà **Trần Kim O** năm 1972;

2. Bà **Trần Thị Huỳnh L** năm 1982;

Cùng địa chỉ: 70 JACARANDA C1

3. Bà **Trần Cẩm L1** năm 1975;

Địa chỉ: BBorchard Ave, SCA 92704. USA.

4. Ông **Trần Công K** năm 1980;

5. Ông **Trần Huỳnh P** năm 1988;

Cùng địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Bà **Phan Thị Hồng H** năm 1984; Địa chỉ: Số C khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Huỳnh Thị N** năm 1951; Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre; (Bà **N1** đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị G2**.

- *Người kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2023; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2023; biên bản lấy lời khai ngày 20/9/2023, anh Nguyễn Đình A (là đại diện theo ủy quyền của bà **Nguyễn Thị G3** bày:

Nguyên vào ngày 22/08/2022 âm lịch nhằm ngày 17/9/2022 dương lịch, ông **Trần Văn C1** vay của bà **Nguyễn Thị G4** tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), có lập biên nhận vay tiền, có ông **Ngô Văn L2** ông **Bùi Văn H1** chứng. Tại thời điểm lập giấy thì hai bên chưa có giao nhận tiền mà đến ngày 06/10/2022 dương lịch bà **G5** khoản cho ông **C2** số tài khoản 256704070001908 mở tại **Ngân hàng P1** hội sở chính **Thành phố H** do ông **C3** tên chủ tài khoản số tiền 515.200.000đ, trong đó có 500.000.000đ được lập biên nhận ngày 22/08/2022 âm lịch và vay thêm 15.200.000đ để ông **C4** toán lãi phát sinh cho Ngân hàng, thời gian cho vay là 02 tháng, kể từ ngày 06/10/2022. Đã hết thời hạn vay mà ông **C5** chưa thanh toán thì ngày 17/01/2023 ông **C6**, bà **G6** liên hệ với các đồng thừa kế và cũng là đồng bị đơn trong vụ kiện này là **Trần Kim O** **Trần C7** **L1** **Trần Công K** **Trần Thị Huỳnh L** **Trần H** trả cho bà **G7** ông **C8**

những người thừa kế này không đồng ý. Vụ việc đã được Ủy ban nhân dân xã A nhưng không thành nên bà G8 khởi kiện yêu cầu các bị đơn là Trần Kim OTrần C7 L1Trần Công KTrần Thị Huỳnh LTrần H thanh toán số tiền mà ông C9 vay 515.200.000đ (năm trăm mười lăm triệu, hai trăm ngàn đồng), thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, tính ngày 07/12/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử, tạm tính đến ngày 21/3/2023 là 14.883.554đ (mười bốn triệu, tám trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm năm mươi bốn đồng); tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 530.083.554đ (năm trăm ba mươi triệu, không trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm năm mươi bốn đồng), trả một lần sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Khi ông C10 tiền của G9 có đưa cho bà G10 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 61 tờ bản đồ số 19 để làm tin. Bà G11 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các con ông C11 trả tiền xong.

** Tại biên bản lấy khai ngày 05/7/2023, bà Nguyễn Thị G3 bày:*

Bà với ông Trần Văn C12 có quan hệ gia đình, nhưng bà con cháu ông cháu bà nên bà thường kêu ông C13 cậu.

Nguyên vào ngày 22/08/2022 âm lịch nhằm ngày 17/9/2022 dương lịch là ngày bà với ông C14 thỏa thuận cho ông C10 số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), có biên nhận mượn tiền kèm theo và có 02 người hai người làm chứng N3 nhận mượn tiền do bà viết và ông C15 tên. Tuy nhiên, ngày 06/10/2022 dương lịch, bà mới chuyển khoản tiền cho ông C16 trả nợ vay của Ngân hàng H3 N1tính lãi cho số tiền vay nên ông C1 yêu cầu bà cho ông C16 thêm số tiền 15.200.000đ để trả lãi cho Ngân hàng nên ngày 06/10/2022 bà mới chuyển khoản cho ông C16 số tiền 515.200.000đ (năm trăm mười lăm triệu, hai trăm ngàn đồng).

Đối với sổ đỏ thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19 hiện do bà đang giữ của ông C17 làm tin cho việc cho mượn tiền vay là do ông C18 nguyện đưa bà giữ vào ngày 22/08/2022 âm lịch, lúc ông C19 sổ đỏ thì không có ông L2ông H1mà chỉ khi làm biên nhận mượn tiền mới có ông L2ông H1làm chứng, do biên nhận lập vào buổi sáng, còn buổi chiều ông C14 đưa sổ đỏ cho bà giữ. Việc ông C10 tiền ở Ngân hàng H2thì bà cũng biết là ông C20 thời điểm đó ông C21 đến ngày đáo hạn tiền vay của ngân hàng nên bà mới cho mượn.

Sau khi bà chuyển tiền cho ông C16 để trả nợ thì bà không biết ông C1 làm hồ sơ vay lại tiền hay không, nhưng ông C1 nói với bà là để ông thế chấp sổ đỏ thửa 61 tờ bản đồ số 19 để vay tiền rồi trả nợ lại cho bà nhưng ông C22 thực hiện được thì ông C6. Từ trước đến nay giữa bà với ông C12 có thỏa thuận mua bán tài sản, hàng hóa gì nhưng ông C23 bà ghi trong giấy chuyển khoản với nội dung “chuyển tiền mua bán” chứ bà không có mua hay bán hàng hóa, tài sản gì

với ông C24. Bà khẳng định số tiền này là số tiền cho ông C10 chứ không phải tiền chuyển cho việc mua bán với ông C25 bà vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện đã trình bày.

** Tại đơn yêu cầu phản tố đề ngày 03/7/2023, biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2023, ông Trần Huỳnh P1 (là đại diện theo ủy quyền của bà O1 L1 bà Ltrình bày:*

Tại biên nhận mượn tiền ngày 22/08/2022 có chữ ký của cha ông Trần Văn C1 người làm chứng là Ngô Văn L2Bùi V H1 là ông không đồng ý với lý do những người làm chứng không biết rõ nội dung và là người thân trong gia đình của bà G12 vẫn ký tên làm chứng và vào ngày ký biên nhận này là cha ông đang nằm bệnh viện Ung Bướu Thành Phố H các giấy tờ ông đã cung cấp cho Tòa án nên ông không đồng ý chữ ký trong biên nhận mượn tiền mà bà G13 cấp cho Tòa án nên không đồng ý trả số nợ trên cho bà GCha ông và mẹ ông là Huỳnh Thị N2 ly hôn năm 2015 và có 05 người con là Trần Công KTrần Huỳnh PTrần Kim OTrần Cẩm L1Trần Thị Huỳnh L3 thừa kế thứ nhất của ông CCha ông chết ngày 17/01/2023 và có để lại các thửa đất số 385 tờ bản đồ số 11, thửa đất số 398 tờ bản đồ số 11; thửa đất số 60 tờ bản đồ số 19, thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19; hiện nay các anh chị em của ông đã quản lý sử dụng các thửa đất này chứ chưa phân chia thừa kế cho ai cụ thể thửa nào. Nguyên nhân thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19 bà G14 giữ là do cha ông Trần Văn C26 sở dĩ để bà G15 thủ tục vay tiền dùm cha ông nhưng chưa kịp vay thì chết chứ cha ông không có vay tiền của bà G16 các anh chị em ông thống nhất không đồng ý trả số tiền nợ 515.200.000đ (năm trăm mười lăm triệu, hai trăm ngàn đồng), thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, tính ngày 07/12/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử, tạm tính đến ngày 21/3/2023 là 14.883.554 (mười bốn triệu, tám trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm năm mươi bốn đồng); tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 530.083.554đ (năm trăm ba mươi triệu, không trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm năm mươi bốn đồng) cho bà G17 các anh chị em ông yêu cầu bà Nguyễn Thị G18 trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 61 tờ bản đồ số 19 cho gia đình ông. Tại sao bà G19 lãi cho ông C27 lần vào ngày 05/4/2022, ngày 08/7/2022 và chuyển tiền vào ngày 06/10/2022 từ ngân hàng N2 số tiền 515.200.000đ.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2023, ông Trần Công K1 bày: Ông có cùng ý kiến cũng như yêu cầu của ông Trần Huỳnh Phủ .*

**Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Bùi Văn H2 bày: Ông không có quan hệ gia đình hay bạn bè với bà Nguyễn Thị G20 Trần Văn CTối ngày trước, ngày bà G21 ông C28 vay tiền thì ông có thuê phòng trọ ở nhà bà G22 bà G15 chủ nhà trọ để ngủ qua đêm nên vào ngày 22/08/2022 ông khát*

nước nên có xin nước ở nhà bà G23 uống nhưng không nhớ sáng hay chiều, lúc ông xin nước thì có bà G21 ông C29 ở đó, sẵn ở đó nên cả bà G20 Cđều nhờ ông đứng ký tên làm chứng, còn tiền bạc không thấy đưa cho nhau, chữ ký của biên nhận mượn tiền là ông thấy do ông C15 tên chứ không có ai ký thay, nội dung thỏa thuận trong biên nhận mượn tiền như thế nào thì ông không biết. Lúc ông ký tên thì ông cũng có thấy sổ đỏ nằm ở trên bàn, nhưng không biết sổ đỏ của ai và giữa ông C30 bà G6 giao nhận sổ đỏ đó hay không thì ông cũng không biết. Ông chỉ ký tên làm chứng và thấy ông C15 tên xong là ông về.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri quyết định:

Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 612, 613, 614, 615, 616, 617 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G24 việc yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn C31 Trần Kim OTrần Cẩm LTrần Thị Huỳnh LTrần Công KTrần Huỳnh P2 liên đới trả bà G4 tiền vay 515.200.000đ (năm trăm mười lăm triệu, hai trăm ngàn đồng) và tiền lãi từ ngày 06/10/2022 đến ngày 06/4/2024 là 18 tháng với mức lãi suất 10%/năm là 77.280.000đ (bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng); tổng cộng tiền nợ vay và tiền nợ lãi là 592.480.000đ (năm trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn C31 Trần Kim OTrần Cẩm LTrần Thị Huỳnh LTrần Công KTrần Huỳnh Phủ .

Buộc bà Nguyễn Thị G18 trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB106340 do UBND huyện B cho ông Trần Văn C32 tên vào ngày 25/3/2010 tại thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19 diện tích 19.992m² tọa lạc tại xã A (nay là thị trấn T), huyện B, tỉnh Bến Tre cho Trần Kim OTrần Cẩm LTrần Thị Huỳnh LTrần Công KTrần Huỳnh Phủ .

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04 tháng 5 năm 2024, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Gkháng c** toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 22/4/2024 để giải quyết lại theo quy định pháp luật (chuyển thẩm quyền cho Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết theo trình tự tố tụng sơ thẩm).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị G25** nguyên kháng cáo và yêu cầu khởi kiện. Phía bị đơn không ý kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre về việc Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót về tố tụng nhưng cho rằng không nhất thiết phải hủy án.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre nhưng cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng về thẩm quyền giải quyết vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử theo hướng: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 22/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Ba Tri làm thủ tục chuyển thẩm quyền cho Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát

viên; xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Gkháng n của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G2 kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo hợp lệ; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị và gửi thủ tục kháng nghị trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Xét thấy, khi nguyên đơn bà Nguyễn Thị G26 đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung thì nội dung đơn xác định địa chỉ của các bị đơn tại xã A (nay là thị trấn T), huyện B, tỉnh Bến Tre Tuy nhiên hồ sơ khởi kiện không có tài liệu thể hiện chính quyền địa phương xác nhận nơi cư trú của bị đơn đúng như địa chỉ cung cấp trong đơn khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm có yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu này, nguyên đơn không cung cấp được và có văn bản trình bày ý kiến nhưng do Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh cũng không có văn bản yêu cầu chính quyền địa phương xác định địa chỉ của các bị đơn mà tiến hành thụ lý giải quyết nên không phát hiện có 03 bị đơn là người đang định cư ở nước ngoài. Quá trình giải quyết và tổng đạt các quyết định tố tụng mới phát hiện và xác định địa chỉ của 03 bị đơn bà Obà L4 L1 ở nước ngoài. Như vậy, việc thụ lý vụ án như trên là vi phạm thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự dẫn đến thụ lý vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết.

[2] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn phát sinh vào thời điểm các bị đơn đã được xác định là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh không thuộc trường hợp không thay đổi thẩm quyền giải quyết như quy định tại Điều 471 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không thể thụ lý mà phải chuyển cho tòa án cấp tỉnh tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố và giải quyết trong cùng vụ án trên là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ người chết để lại, đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các bị đơn thừa nhận là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn C và không còn người thừa kế khác, thừa nhận các di sản ông C17 lại gồm: thửa đất số 385, thửa đất số 398 cùng tờ bản đồ số 11; thửa đất số 60, thửa đất số 61 cùng tờ bản đồ số 19; hiện nay các bị đơn đã quản lý sử dụng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác minh tại UBND thị trấn Tiêm Tôm là chưa đầy đủ, cần xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B kiểm chứng lời khai này nhằm xác định rõ ông C17 lại di sản là gì, có đăng ký biến động hay chưa; chưa

làm rõ việc quản lý, sử dụng di sản như hiện nay thì ai là người được hưởng di sản, có ai từ chối nhận di sản không để làm cơ sở xác định phạm vi di sản và người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Mặt khác, sau khi phía bị đơn nộp đơn phản tố có ghi địa chỉ của người con gái của ông C33 nước ngoài thì sau đó 03 tháng Tòa án cấp sơ thẩm mới tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải là cũng vi phạm thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Như vậy, quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng về thẩm quyền giải quyết. Xét thấy các vi phạm trên cần thiết phải hủy án, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Ba Tri làm thủ tục chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết theo đúng thẩm quyền. Xét thấy, bản án bị hủy do vi phạm về thẩm quyền giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không xét kháng cáo của phía nguyên đơn.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 22/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

[7] Về án phí sơ thẩm: Án phí sơ thẩm sẽ được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết theo thủ tục chung.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị G27 phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Ba Tri làm thủ tục chuyển thẩm quyền cho Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết theo thủ tục tố tụng sơ thẩm.

2. Về án phí sơ thẩm sẽ được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết theo thủ tục chung.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà **Nguyễn Thị G28** hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà bà G đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004471 ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tôn Văn Thông

Bùi Quang Sơn

Phạm Văn Ngọt

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt

